

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 152/2017/HSST

Ngày: 22/9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - TP. HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Quốc Đạt

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị Chúc

2. Bà Hồ Thị Lệ Thu

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Đ Lê Anh - Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Trung Kiên - Kiểm sát viên trung cấp

Ngày 22/9/2017 tại trụ sở Toà án nhân dân Quận 7 xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 172/2017/TLST - HS ngày 17 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Duy T, sinh năm 1981 tại Vĩnh Long; giới tính: Nam; trú tại: Ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long;住所: 903/6/10A khu phố 3, phường H, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Trần Hồng Q và bà Trần Thị Châu P (chết); tiền sự - tiền án: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 24/4/2017 (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Nguyễn Trần Đ sinh năm 1984; trú tại: 33 đường C, phường Nguyễn Thái B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1983; trú tại: 77/4B, khu phố 7, phường H, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

3. Ông Lê Thanh P, sinh năm 1989; trú tại: 185 ấp T, thị trấn H, huyện L, tỉnh Bạc Liêu (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Trần Duy T bị Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào hồi 23 giờ ngày 23/4/2017, tại hẻm 1005 đường Trần Xuân Soạn, phường Tân Hưng, Quận 7, Công an Quận 7 phát hiện ông Nguyễn Trần Đ đang tàng trữ 01 gói nylon bên trong chứa tinh thể không màu - nghi là ma túy.

Ông Đ khai nhận: Ông nghiện ma túy khoảng 06 tháng. Vào lúc 22 giờ 30 phút ngày 23/4/2017, sau khi dùng điện thoại di động có số thuê bao 01265549952 hẹn trước với bị cáo Trần Duy T bằng số thuê bao di động 01206094861, ông đến nơi ở của bị cáo T và mua của bị cáo T mua một gói ny lon bên trong có chứa ma túy tổng hợp với giá 500.000 đồng. Trên đường đem ma túy về sử dụng thì bị Công an kiểm tra phát hiện. Trước đó, ông đã mua ma túy của bị cáo T được 05 lần, mỗi lần mua một gói giá 500.000 đồng và đã sử dụng hết.

Vào hồi 16 giờ 50 phút ngày 24/4/2017, tại hẻm 903 khu phố 3, phường Tân Hưng, Quận 7, Công an Quận 7 kiểm tra, bắt quả tang bị cáo T đang điều khiển xe mô tô biển số 59G-778.05 và có cất giữ dưới yên xe 01 gói nylon bên trong chứa tinh thể không màu - nghi là ma túy. Tiếp tục khám xét nơi ở Công an Quận 7 đã tiến hành khám xét khẩn cấp nhà của Tâm tại địa chỉ: 903/6/10A khu phố 3, phường T, Quận X, thu giữ trong phòng ngủ của bị cáo T 02 gói nylon bên trong chứa tinh thể không màu - nghi là ma túy.

Tại cơ quan điều tra,

Ban đầu bị cáo T khai nhận:

Bị cáo nghiện ma túy khoảng 06 tháng và bán ma túy khoảng được 04 tháng. Bị cáo mua ma túy của một người phụ nữ tên O được 04 lần tại đường Phạm Văn C, Quận A, mỗi lần mua từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng. Bị cáo còn mua ma túy của một người thanh niên tên Bi (không rõ nhân thân lại lịch) tại khu vực cầu Nguyễn Văn Cừ. Bị cáo mua ma túy để vừa sử dụng, vừa bán lại cho người khác. Bị cáo đã bán ma túy cho Ông Đ được 05 lần, mỗi lần 01 gói với giá 500.000 đồng và bán cho một phụ nữ tên Trang (không rõ lai lịch) 01 gói ma túy với giá 200.000 đồng. Bị cáo đã thu lợi được 2.000.000 đồng từ việc bán ma túy.

Vào ngày 21/4/2017 bị cáo mua của O 01 gói ma túy với giá 2.000.000 đồng đem về nơi ở chia thành 04 gói nhỏ: 01 gói bị cáo đã bán cho Ông Đ với giá 500.000 đồng (Công an thu giữ của Ông Đ); 01 gói bị cáo để dưới yên xe đang đem đi bán cho người nghiện thì bị Công an bắt quả tang; 02 gói bị cáo cất giữ trong phòng ngủ cũng để bán cho người nghiện nhưng đã bị Công an khám xét thu giữ.

Tuy nhiên, sau đó bị cáo T thay đổi lời khai về việc chỉ bán ma túy 01 lần cho Ông Đ vào ngày 23/4/2017; gói ma túy cất giữ dưới yên xe và 02 gói ma túy cất giữ tại nơi ở là bị cáo để dành sử dụng.

Kết luận giám định số 842/KLGD - H ngày 30/5/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: “Tinh thể không màu trong 01 gói nylon được niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Nguyễn Trần Đ và hình dấu Công an phường Tân Hưng, Quận 7 gửi đến giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,3791g (Không phải ba bảy chín một gam), loại Methamphetamine.

Kết luận giám định số 844/KLGD - H ngày 16/5/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: “02 gói niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Trần Duy T và hình dấu Công an phường Tân Hưng, Quận 7 gửi đến giám định, bên trong có:

- Gói 1: Tinh thể không màu trong 01 gói nylon là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,5654g (không phải năm sáu năm bốn gam), loại Methamphetamine.

- Gói 2: Tinh thể không màu trong 02 gói nylon là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 3,3236g (ba phải ba hai ba sáu gam), loại Mathamphetamine.

Bản cáo trạng số 161/CTr-VKS ngày 15/8/2017, Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 đã truy tố bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Điểm b Khoản 2 Điều 194 và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng theo khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 ngày 27/11/2015; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017; điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009):

- Xử phạt bị cáo T từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Xử phạt bị cáo T từ 08 (tám) năm đến 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Về xử lý vật chứng và thu lợi bất chính: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị cáo T khai nhận đã bán ma túy 01 lần cho Ông Đ vào ngày 23/4/2017; gói ma túy cất giữ dưới yên xe và 02 gói ma túy cất giữ tại nơi ở là của bị cáo để dành sử dụng. Bị cáo T không tự bào chữa, không tranh luận và đề nghị được giảm nhẹ hình phạt.

- Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa;

- Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo,

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an Quận 7, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo T và người người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa ngày hôm nay:

Đối với hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy thì lời khai của bị cáo T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo T tại Cơ quan cảnh sát điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang, Kết luận giám định số 844/KLGD - H ngày 16/5/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Vào ngày 24/4/2017, bị cáo T đã thực hiện hành vi tàng trữ trái phép tại nơi ở 3,3236g (ba phẩy ba hai ba sáu gam) ma túy ở thể rắn, loại Mathamphetamine. Bị cáo T tàng trữ khối lượng ma túy này để sử dụng nhưng đã bị bắt quả tang. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xét thấy,

Tại Khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) quy định: “Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm”; còn tại Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định: “Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

c) Hêrôin, côcain, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam”.

Như vậy, áp dụng Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 là có lợi hơn cho bị cáo T, bởi vì: Quy định này có khung hình phạt nhẹ hơn quy định của Khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009). Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 về áp dụng các quy định có lợi hơn cho bị cáo là phù hợp, có căn cứ chấp nhận.

Đối với hành vi mua bán trái phép chất ma túy, tại phiên tòa bị cáo T khai:

Bị cáo T chỉ bán trái phép ma túy duy nhất 01 lần cho Ông Đ vào ngày 23/4/2017.

Bị cáo sử dụng ma túy tổng hợp được 06 tháng, từ 02 đến 03 tháng bị cáo T mới sử dụng 01 lần. Bị cáo T đã mua ma túy của O được 02 lần để sử dụng dần. Lần đầu bị cáo T mua ma túy của O trước ngày bị bắt 06 tháng, lần thứ hai mua vào ngày 21/4/2017. Mỗi lần bị cáo T đều mua của O 01 gói ma túy với giá 2.000.000 đồng có khối lượng tương đương nhau. Ngày 21/4/2017, sau khi mua được ma túy, bị cáo chia làm 04 gói nhỏ: 01 gói đã bán cho Ông Đ; 01 gói cất giữ dưới yên xe đem về quê để sử dụng làm 02 lần; 02 gói còn lại cất giữ ở phòng ngủ để sử dụng dần.

Theo lời khai trên của bị cáo T và hai bản kết luận giám định thì: Gói ma túy bị cáo mua của O vào ngày 21/4/2017 có tổng khối lượng là 4,2681g và bị cáo trích ra một phần có khối lượng 0,5654g cất giữ dưới yên xe để đem về quê sử dụng hai lần. Cũng theo lời khai của bị cáo thì mỗi lần bị cáo sử dụng ma túy cách nhau từ 02 đến 03 tháng. Từ ngày sử dụng đầu tiên cho đến ngày bị bắt (trong thời gian 06 tháng), bị cáo chỉ mới sử dụng 02 lần với khối lượng ma túy bằng khối lượng gói ma túy bị cáo cất giữ dưới yên xe. Trong khi đó, khối lượng ma túy bị cáo mua lần đầu tương đương với khối lượng ma túy mua lần hai vào ngày 21/5/2017. Khi được hỏi khối lượng ma túy mà bị cáo mua lần một không thể sử dụng hết trong thời hạn 06 tháng và khối lượng ma túy còn dư lại để làm gì thì bị cáo không giải thích được.

Xét thấy lời khai trên của bị cáo có rất nhiều mâu thuẫn, không trung thực, không tin cậy.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án, xét thấy:

Tại Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 24/4/2017 (bút lục 23^A, 24), Bản tự khai của bị cáo ngày 24/4/2017 (bút lục 29), hai Biên bản ghi lời khai bị cáo ngày 24/4/2017 (bút lục 25, 26, 27, 28)), Biên bản ghi lời khai bị cáo ngày 25/4/2017 (bút lục 30, 31), hai Biên bản hỏi cung bị can ngày 24/4/2017 và ngày 10/5/2017 (bút lục 32, 33, 34, 35): Bị cáo đều khai nhận đã mua bán trái phép chất ma túy được bốn tháng. Trong đó, bị cáo đã bán cho Ông Đ 05 lần, bán cho Trang 01 lần và ngày 24/4/2017 bị cáo cất giữ ma túy dưới yên xe đang trên đường đem đi bán cho người nghiện thì bị bắt quả tang. Lời khai này của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của Ông Đ.

Cơ quan cảnh sát điều tra cũng đã tiến hành cho bị cáo đối chất với Ông Đ. Tại biên bản đối chất giữa bị cáo với Ông Đ ngày 24/4/2017 (bút lục 59) thì bị cáo và Ông Đ cũng đã khai nhận phù hợp với nhau về việc: Bị cáo đã bán ma túy cho Ông Đ 05 lần.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận: Trong quá trình điều tra, bị cáo không bị dùng nhục hình, không bị ép cung, mớm cung. Lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra là do tự bị cáo khai nhận đúng với hành vi của mình. Trước khi ký tên vào biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung, bị cáo đều được nghe đọc và tự đọc lại các biên bản này.

Sau khi khai nhận như trên, bị cáo thay đổi lời khai về việc chỉ bán ma túy cho Ông Đ có một lần là nhằm che dấu bớt hành vi bán ma túy để trốn tránh một phần trách nhiệm.

Vì vậy, có đủ căn cứ để kết luận: Bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Trong đó, ngày 23/4/2017, bị cáo đã bán cho Ông Đ 0,3791g (Không phải ba bảy chín một gam), loại Methamphetamine; ngày 24/4/2017 bị cáo tàng trữ dưới yên xe 0,5654g (không phải năm sáu năm bốn gam), loại Methamphetamine để đem đi bán cho người nghiện. Hành vi này của bị cáo đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung “Phạm tội nhiều lần”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Hành vi phạm tội của bị cáo là cố ý, tinh vi, nguy hiểm cho xã hội vì tội phạm về ma túy gây tác hại lớn cho con người và xã hội, là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Bị cáo nhận thức rõ được tác hại của ma túy nhưng để có ma túy để thỏa mãn cơn nghiện nên đã phạm tội. Do đó cần phải xử lý nghiêm bị cáo mới có tác dụng giáo dục, cải tạo riêng và phòng ngừa chung trong xã hội.

Tại phiên tòa, bị cáo không thành khẩn khai báo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” mà chỉ thành khẩn khai báo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Vì vậy, bị cáo chỉ được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại Điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Ngoài ra, xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, mới phạm tội lần đầu nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với cả hai tội quy định tại Khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Do bị cáo phạm hai tội nên cần phải áp dụng Điều 50 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) để tổng hợp hình phạt.

Ngoài hình phạt chính còn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo và còn buộc bị cáo phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính 2.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Đối với người phụ nữ tên O và người thanh niên tên Bi đã bán ma túy cho bị cáo thì Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với ông Nguyễn Trần Đ là người mua ma túy của Tâm để sử dụng, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an Quận 7 đã chuyển hồ sơ cho Công an phường Tân Hưng, Quận 7 ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Xử lý vật chứng vụ án:

- 03 (Ba) gói niêm phong vụ 844/17 (02 gói), 841/2017 (01 gói) bên trong có khối lượng ma túy thu giữ của bị cáo và ông Nguyễn Trần Đ: đây là vật cấm lưu hành trái phép, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 (Một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển số 59G1-778.05, loại xe: hai bánh, số loại: AIR BLADE, số máy: JF27E-1244565, số khung : 2705BY-648510 do ông Nguyễn Văn C đứng tên đăng ký chủ sở hữu giùm ông Lê Thanh P vào năm 2014. Ông Phong khai: Năm 2016 đã bán xe trên cho người khác (không rõ nhân thân lai lịch). Bị cáo T khai mượn của một người tên Hải quen biết ngoài xã hội (không rõ nhân thân lai lịch). Do đó, cần thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn nhất định để tìm người quản lý hợp pháp của xe. Hết thời hạn thông báo mà vẫn không tìm được người quản lý hợp pháp thì tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 (Một) chiếc điện thoại di động hiệu Nokia, màu xanh (imel không rõ) thu giữ của bị cáo T và 01 chiếc điện thoại Sony, màu đen, imei không rõ thu giữ của Ông Đ. Bị cáo và Ông Đ sử dụng chiếc điện thoại trên để liên lạc mua bán trái phép chất ma túy nên phải tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu trắng (imei không) rõ thu giữ của bị cáo T: Đây là tài sản riêng của bị cáo T không liên quan đến hành vi phạm tội nên được trả lại.

- Số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) thu giữ của bị cáo T, trong đó: 3.500.000 (Ba triệu năm trăm nghìn) đồng là tài sản riêng của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên được trả lại; số tiền 500.000 (Năm trăm nghìn) đồng là số tiền bị cáo bán trái phép chất ma túy cho Ông Đ nên tịch thu sung quỹ nhà nước.

- 01 (một) con dao tự chế thu giữ của bị cáo T: Tuy không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Duy T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

1. Áp dụng Khoản 1 Điều 194; Điểm p Khoản 1 Điều 46; Khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009); Nghị Quyết số

41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; Khoản 3 Điều 7, Khoản 1, Khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt: Bị cáo Trần Duy T 01 (Một) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 194; Khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009):

Xử phạt: Bị cáo Trần Duy T 09 (một) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

3. Áp dụng Khoản 1 Điều 50 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009):

Tổng hợp hình phạt : Buộc bị cáo Trần Duy T phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 10 (Mười) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 24/4/2017.

4. Áp dụng Khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009):

Buộc bị cáo Trần Duy T nộp phạt số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

5. Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003:

- Buộc bị cáo Trần Duy T nộp lại số tiền thu lợi bất chính 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) và số tiền đã bán ma túy cho ông Nguyễn Trần Đ 500.000 (Năm trăm nghìn) đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Tịch thu tiêu hủy: 03 gói niêm phong vụ 844/17 (02 gói), 841/2017 (01 gói) bên trong có khối lượng ma túy thu giữ của bị cáo Trần Duy T và ông Nguyễn Trần Đ và 01 con dao tự chế.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 (Một) chiếc điện thoại di động hiệu Nokia, màu xanh (imel không rõ) và 01 (Một) chiếc điện thoại Sony, màu đen (imei không rõ).

- Trả lại cho bị cáo Trần Duy T: 01 (Một) chiếc điện thoại Iphone, màu trắng (imei không rõ) và số tiền 3.500.000 (Ba triệu năm trăm nghìn) đồng,

- Thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng để tìm người quản lý hợp pháp chiếc xe mô tô chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển số 59G1-778.05, loại xe: hai bánh, số loại: AIR BLADE, số máy: JF27E-1244565, số khung : 2705BY-648510. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày thông báo mà tìm được người quản lý hợp pháp thì trả lại xe, trường hợp có tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định. Hết thời hạn 30 (Ba mươi) ngày, kể từ ngày thông báo mà vẫn không tìm được người quản lý hợp pháp thì tịch thu sung quỹ Nhà nước.

(Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 128 ngày 20/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 7 và Giấy nộp tiền vào tài khoản Công an Quận 7 tại Kho bạc Nhà nước Quận 7 ngày 15/5/2017).

6. Áp dụng Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Trần Duy T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

7. Áp dụng Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015:

Kể từ ngày cơ quan Thi hành án dân sự chủ động ra quyết định thi hành án đối với số tiền bị cáo Trần Duy T phải nộp lại, nộp phạt để tịch thu sung quỹ Nhà nước, nếu bị cáo chậm thi hành thì phải trả lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành tại thời điểm thi hành.

Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (22/9/2017), bị cáo Trần Duy T được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (vắng mặt tại phiên tòa) được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tp. HCM;
- VKSND Quận 7;
- Công an Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Sở Tư pháp Quận 7;
- Bị cáo;
- Dương sự;
- Lưu số án;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

(Đã ký)

Đỗ Quốc Đạt